

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh,
giai đoạn 2011-2015

Bản kế hoạch chiến lược này nhằm định hướng cho mọi hoạt động cũng như chính sách phát triển của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015; là công cụ quản lý hữu hiệu của trường nhằm từng bước chuyển sang phương thức quản lý chiến lược; làm cơ sở hoạch định chính sách và lập kế hoạch xây dựng, phát triển trường trong từng giai đoạn tiếp theo; đóng vai trò quan trọng như một văn bản có tính pháp quy của trường.

Kết cấu của kế hoạch chiến lược gồm 5 phần:

- (1) Sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị;
- (2) Bối cảnh giáo dục đại học và thực trạng UEH;
- (3) Chiến lược phát triển và giải pháp;
- (4) Tổ chức thực hiện và giám sát;
- (5) Kiến nghị.

Phần I
SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ

1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh là nơi cung cấp cho người học các chương trình đào tạo chất lượng cao về khoa học kinh tế - quản trị kinh doanh; đồng thời chuyên giao những kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2020, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sẽ trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học kinh tế - quản trị kinh doanh có uy tín ngang tầm với các cơ sở đào tạo đại học trong khu vực. Trường cung cấp cho người học môi trường giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học tốt nhất, có tính chuyên môn cao; đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu.

3. Các giá trị

- Thấu hiểu nhu cầu của sinh viên và xã hội;
- Chuyên giao kết quả nghiên cứu khoa học cho các tổ chức và doanh nghiệp;
- Quan tâm đến xây dựng đội ngũ có chuyên môn cao, năng động, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp;

- Khuyến khích sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong môi trường làm việc, giảng dạy và học tập;
- Tự hào và phát huy truyền thống của trường.

Phần II

BỐI CẢNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ THỰC TRẠNG UEH

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Giáo dục đại học thế giới đã và đang có những thay đổi cơ bản. Đó là xu thế chuyển từ đại học tinh hoa dành cho số ít sang đại học đại chúng dành cho đông đảo dân chúng - xu thế này được coi là xu thế dân chủ hóa trong giáo dục đại học, chuyển giáo dục đại học từ thượng tầng kiến trúc thành hạ tầng cơ sở của xã hội. Xu thế thứ hai liên quan đến việc chuyển đổi từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức - đòi hỏi phải đào tạo ra lực lượng lao động chất xám đông đảo với khả năng tư duy mềm dẻo, thích ứng được với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội chứ không phải học một lần, sử dụng kiến thức suốt đời như trước đây. Xu thế thứ ba là toàn cầu hóa, khi khoảng cách giữa các quốc gia không còn nhiều ý nghĩa, xuất và nhập khẩu dịch vụ giáo dục đứng đầu, kịp thời có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển một quốc gia. Xu thế cuối cùng là ngày càng thể hiện rõ tính cạnh tranh trong giáo dục đại học.

Đội ngũ giảng dạy đại học được chấp nhận theo tiêu chuẩn quốc tế gồm: (a) công trình khảo cứu khoa học đăng trên các tạp chí đẳng cấp quốc tế, (b) số lần trích dẫn (hay/và H-index) các công trình khoa học bởi đồng nghiệp khắp thế giới, (c) sách giáo trình cao học phát hành bởi các nhà xuất bản uy tín, (d) báo cáo trong hội nghị quốc tế và sự giao lưu thường xuyên với các cơ quan giảng dạy - nghiên cứu trên thế giới, (e) sự nghiệp đào tạo các nghiên cứu sinh và tiến sĩ, (f) đối với các ngành khoa học ứng dụng, văn bằng sáng chế và cộng tác với các công ty kỹ nghệ mang lợi nhuận cho cơ quan.

Sự phát triển kinh tế ở Đông Á và Đông Nam Á đã cho thấy quan hệ mật thiết giữa phát triển và giáo dục đại học. Cho dù trong các nước và vùng lãnh thổ thịnh vượng nhất ở khu vực - Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, và gần đây là Trung Quốc - mỗi nơi đều đi theo những con đường phát triển độc đáo, nhưng điểm chung trong thành công của họ là sự theo đuổi nhất quán một nền khoa học và giáo dục đại học chất lượng cao, bám sát nền giáo dục đại học tiên tiến nhất của thế giới.

2. Bối cảnh trong nước

Tính đến nay, Việt Nam có tổng số 376 trường đại học, cao đẳng; trong đó Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý 54 trường; các bộ, ngành khác quản lý 116 trường; các tỉnh, thành phố là cơ quan chủ quản của 125 trường; 81 trường dân lập, tư thục. Tổng số sinh viên bậc đại học hiện nay khoảng 1.7000.000 người, số lượng tuyển sinh hằng năm trong những năm gần đây khoảng 500.000 người/kỳ thi. Đánh giá chung, chất lượng đào tạo giáo dục bậc đại học ở Việt Nam còn thấp, chưa tạo được sự đồng hướng giữa người học, người dạy, nhà đầu tư cho giáo dục, người sử dụng lao động và xã hội.

Đề án quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 có mục tiêu phấn đấu đạt 300 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2015 và đến năm 2015: 70% giảng viên đại học có trình độ thạc sĩ trở lên, trên 50% giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ. Cơ cấu số lượng sinh viên đào tạo theo nhóm các ngành, nghề được điều chỉnh để đến năm 2020 đạt tỷ lệ như sau: Khoa học cơ bản 9%; Sư phạm 12%; Công

nghệ - kỹ thuật 35%; Nông - Lâm - Ngư 9%; Y tế 6%; Kinh tế - Luật 20% và các ngành khác 9%.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 của Đảng cũng đã xác định phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh dài hạn, bảo đảm kinh tế - xã hội phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững. Thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ là khâu then chốt. Đổi mới cơ chế tài chính; thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường đại học và cao đẳng trong cả nước. Đến năm 2020, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Số sinh viên đạt 450 trên một vạn dân.

3. Thực trạng UEH

3.1. Về đào tạo

Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sau 35 năm thành lập thực sự là một cơ sở đào tạo đa ngành trong lĩnh vực kinh tế - quản trị kinh doanh, gồm nhiều bậc đào tạo từ Cử nhân đến Tiến sĩ, với cả hệ chính quy và không chính quy. Hiện nay, đối với hệ đào tạo chính quy, trường có 7 ngành đào tạo với 27 chuyên ngành. Một số chuyên ngành có sức hút sinh viên tham gia học tập và nghiên cứu như Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh... Đối với một số chuyên ngành ít sức thu hút sinh viên nhưng thực sự cần thiết cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trường có nhiều chính sách ưu tiên cho sinh viên học những chuyên ngành này như Kinh tế chính trị, Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn... Đối với hệ không chính quy (đại học hình thức vừa làm vừa học), ngành và chuyên ngành đào tạo do người học tự chọn từ khi thí sinh làm hồ sơ dự thi hoặc do địa phương đề nghị. Với mong muốn không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nên từ năm 2006 trường đã thí điểm áp dụng đào tạo theo tín chỉ cho hệ văn bằng 2 đại học, năm 2008 đối với cao học và năm 2009 đối với đại học chính quy; tiến tới áp dụng cho hình thức vừa làm vừa học vào năm 2012.

Cùng với đào tạo đại học chính quy và không chính quy, hoạt động đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) của trường ngày càng giữ một vị trí quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường. Từ năm 1985 đến nay, trường đã đào tạo gần 400 tiến sĩ và hơn 3.000 thạc sĩ ở hầu hết các chuyên ngành kinh tế. Đào tạo sau đại học đã và đang đáp ứng sự phát triển của tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, chính trị, an ninh quốc phòng... đồng thời tạo ra sức mạnh bên trong hệ thống giáo dục, thúc đẩy hệ thống giáo dục phát triển. Chính vì lý do đó, trong những năm gần đây, trường đã luôn chú trọng đến việc phát triển công tác đào tạo sau đại học; đồng thời quan tâm đến hợp tác quốc tế trong đào tạo và xem đây như một giải pháp tốt để nâng cao chất lượng đào tạo. Bậc đào tạo Thạc sĩ trường đang đào tạo 6 chuyên ngành, bậc Tiến sĩ cũng có 6 chuyên ngành đào tạo. Trong thời gian tới, trước nhu cầu của xã hội và thực trạng đào tạo sau đại học của các viện, trường trong và ngoài nước, trường sẽ điều chỉnh mã ngành đào tạo sau đại học theo hướng mở rộng các chuyên ngành hẹp.

Về quy mô đào tạo, từ năm học 2000-2001 đến nay quy mô đào tạo hệ chính quy của trường tương đối ổn định, dao động trong khoảng 20.000 đến 21.000 sinh viên. Quy mô tuyển sinh tăng dần từ 3.800 sinh viên năm học 2000-2001 đến 5.000 sinh viên năm học 2007-2008, sau đó giảm còn 4.800 năm 2009 và 4.000 năm 2010. Quy mô đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học các năm qua có xu hướng giảm, số lượng sinh viên

đang đào tạo năm 2010 là 15.346 giảm 5.461 so với năm học 2006-2007 là 20.707 sinh viên. Tình hình thí sinh đăng ký dự thi tuyển sinh năm 2009, 2010 giảm do tại một số địa phương liên kết đào tạo đều đã có các trường đại học đa ngành với hình thức đào tạo phù hợp cho người học như học vào buổi tối, vào các ngày nghỉ... Quy mô đào tạo sau đại học của trường hiện nay là 2.988 học viên với 2.846 học viên cao học và 142 nghiên cứu sinh; chủ yếu trường đào tạo sau đại học theo hình thức không tập trung, quy mô đào tạo sau đại học có xu hướng tăng dần qua các năm.

Chất lượng đào tạo hệ chính quy của trường trong những năm qua nâng lên rõ rệt, nếu như năm 2006 tỉ lệ tốt nghiệp loại khá, giỏi chiếm 26% tổng số sinh viên tốt nghiệp thì năm 2009 tỉ lệ này đã được nâng lên đến 37,79% và có xu hướng tiếp tục tăng do trường đã có nhiều biện pháp hỗ trợ trong dạy và học theo hướng tích cực. Chất lượng đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học cũng được cải thiện, tỷ lệ tốt nghiệp năm 2006 là 80% so với số sinh viên được dự thi tốt nghiệp, đến năm 2009 tỷ lệ này là 88%.

3.2. Về hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế

3.2.1. Hoạt động khoa học

Hoạt động khoa học được xác định như là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của trường nói chung và của từng giảng viên nói riêng. Từ thống nhất chủ trương, trường đã cụ thể hóa nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH) thành các quy định. Căn cứ quy định của Bộ về nghĩa vụ của giảng viên đại học, trường đã ban hành quy định của trường về nghĩa vụ NCKH, trong đó quy định cụ thể hoạt động nào được xem là hoạt động NCKH và mỗi hoạt động đó được lượng hóa thành số lượng giờ hoạt động khoa học. Quy định này đã phần nào thúc đẩy các giảng viên tích cực hơn trong các hoạt động NCKH phục vụ giảng dạy, đồng thời hoạt động khoa học của trường cũng đa dạng hơn.

Hoạt động chính của NCKH là các đề tài nghiên cứu. Trong 5 năm qua giảng viên của trường đã chủ trì 112 đề tài NCKH cấp Bộ trong đó có 6 đề tài trọng điểm, hơn 20 đề tài cấp tỉnh, thành phố khu vực miền Trung và Nam bộ. Các đề tài cấp Bộ và tương đương thường đề cập, giải quyết các vấn đề trọng yếu của nền kinh tế như chuyển dịch cơ cấu, xóa đói giảm nghèo, tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, các địa phương và của cả nền kinh tế, xây dựng và hoàn thiện các thị trường như thị trường tài chính, thị trường lao động, nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế... Số lượng các đề tài cấp Bộ và tỉnh, thành hoàn thành đúng hạn chiếm trên 95%, trong đó đại đa số được xếp loại khá và tốt (trước đây là xuất sắc). Bên cạnh đó, hàng năm giảng viên còn đăng ký thực hiện khoảng 40 đề tài cấp trường. Các đề tài này chủ yếu đề cập đến những vấn đề có phạm vi hẹp hơn các đề tài cấp Bộ và thường có mục tiêu hỗ trợ, bổ sung tư liệu cho công việc giảng dạy.

Trường quan niệm việc thiết kế, biên soạn giáo trình, tài liệu học tập cũng được xem là những hoạt động khoa học và được triển khai thực hiện như những đề tài cấp trường, được cấp kinh phí, tính theo số tín chỉ của mỗi môn học. Từ năm 2006 đã có hơn 150 hợp đồng biên soạn giáo trình cho các môn học bậc đại học và hơn 10 tài liệu phục vụ giảng dạy cao học. Cho đến nay, tính trung bình, giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo do giảng viên trường biên soạn đã đáp ứng hơn 86% các môn học của 27 chương trình đào tạo trong trường.

NCKH của sinh viên luôn là một trong những điểm mạnh của trường. Qua 5 năm (2006-2010) sinh viên trường đã đạt được 113 giải cấp Bộ trong đó có 4 giải nhất, 8 giải nhì; hơn 30 giải Euréka của Thành Đoàn... Cơ sở cho các thành tích đó là hoạt động học thuật sâu rộng với nhiều câu lạc bộ học thuật. Trường là đơn vị chủ trì cuộc thi “Dynamic - Sinh viên nhà doanh nghiệp tương lai” từ năm 1996, tham gia tích cực cuộc thi SIFE

Việt Nam và tổ chức nhiều cuộc thi về thuế, quản trị, tài chính, ngân hàng, kế toán thu hút hàng chục ngàn sinh viên các trường tham dự.

Hàng năm trường tổ chức trung bình 5 hội thảo cấp trường và hơn 30 hội thảo tại các khoa chuyên ngành. Trường có Tạp chí Phát triển kinh tế xuất bản hàng tháng với 2 thứ tiếng - tiếng Anh và tiếng Việt. Thông qua tạp chí này cũng như các tạp chí khác, giảng viên trường đã công bố hơn 100 bài báo mỗi năm (trong đó có khoảng 10 bài trên tạp chí quốc tế). Ngoài ra, trường còn triển khai nhiều dự án quốc tế phối hợp nghiên cứu.

3.2.2. Hoạt động hợp tác quốc tế

Trường đang triển khai thực hiện chiến lược mở rộng hợp tác quốc tế trên các phương diện: chương trình, dự án liên kết đào tạo; trao đổi giảng viên, sinh viên; nghiên cứu chung và trao đổi học thuật, thỏa thuận song phương và đa phương.

- Hợp tác quốc tế về đào tạo: Các dự án đào tạo bậc cử nhân và thạc sĩ phối hợp cùng các đối tác được tiến hành thuận lợi và tạo uy tín cũng như vị thế tốt cho trường đối với người học. Trong đó phải kể đến các dự án, chương trình như chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright - FETP (hợp tác với Trường Quản lý nhà nước J.F. Kennedy, Đại học Harvard, Hoa Kỳ); Trung tâm Pháp-Việt Đào tạo về quản lý - CFVG (hợp tác với các đại học Paris 1 Sorbonnes, Paris IX Dauphine và Trường Đại học Thương mại Paris ESCP Europe, Pháp); chương trình liên kết đào tạo Cử nhân Kinh doanh quốc tế với Đại học Victoria (tại Wellington, New Zealand); chương trình đào tạo Thạc sĩ Kinh tế phát triển (hợp tác với Viện Nghiên cứu xã hội - ISS, Trường Đại học Erasmus, Hà Lan); Trung tâm Đào tạo công nghệ thông tin Việt Nam-Hàn Quốc - KOVIT (hợp tác với Đại học Woosong, Hàn Quốc); chương trình liên kết đào tạo MIB và BBA với Đại học Curtin (Australia)... Dự án phối hợp đào tạo tiến sĩ DBA với Đại học Western Sydney (Australia) đang thực hiện 2 khóa đầu tiên với 30 học viên, chủ yếu là giảng viên đại học, trong đó đa số là giảng viên của trường. Trường đang mở rộng hợp tác với Đại học Western Sydney ở các bậc cử nhân và thạc sĩ. Trường đã xúc tiến ký kết hợp tác chương trình đào tạo Cử nhân tại Việt Nam và Hoa Kỳ với Trường Đại học Houston Clear Lake (bang Texas, Hoa Kỳ); chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính với Đại học Massey (New Zealand). Trường đã ký kết hơn 50 văn bản ghi nhớ hợp tác về đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đến từ Hoa Kỳ, EU, Anh, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore...

- Trao đổi giảng viên, sinh viên: Trường tiếp tục hợp tác trao đổi sinh viên với World Learning, các trường đại học Georgetown (Hoa Kỳ); Chosun, Woosong (Hàn Quốc); Osaka Sangyo (Nhật Bản); Rotterdam (Hà Lan)... Các chương trình này kéo dài từ vài tuần đến 5 tháng, góp phần tăng cường hiểu biết về kinh tế - xã hội Việt Nam cho sinh viên các nước. Theo chiều ngược lại, trong 5 năm qua trường đã gửi hơn 60 lượt giảng viên đi học tập dài hạn tại các trường nước ngoài trong khuôn khổ các dự án Erasmus Mundus, TRIG, DBA, chương trình 322, các học bổng chính phủ nước ngoài...; cùng hơn 150 lượt viên chức đi thực tập ngắn hạn, công tác tại nước ngoài.

- Chương trình hợp tác nghiên cứu, học thuật: Nhiều dự án quốc tế trong NCKH đã được triển khai trong các năm qua như dự án với Sasakawa, Kenan...; trường cũng có quan hệ chặt chẽ với các tổ chức hành nghề chuyên nghiệp như Hiệp hội Kế toán công chứng ACCA (Anh), Tổ chức CPA Australia... Ngoài ra, trường cũng thường xuyên phối hợp tổ chức các buổi hội thảo quốc tế về những vấn đề kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam, cũng như cải tiến phương pháp giảng dạy đại học.

3.3. Về hoạt động đảm bảo chất lượng

Năm 2006, trường tổ chức Tự đánh giá thử nghiệm trong kiểm định chất lượng (KĐCL) trường. Năm 2007, trường đăng ký KĐCL với Bộ Giáo dục và Đào tạo, và đã hoàn thành Báo cáo tự đánh giá trong tháng 9/2007. Tháng 5/2009, trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Đánh giá ngoài với kết quả đạt yêu cầu tất cả các tiêu chí trong bộ tiêu chí KĐCL trường; trong đó, có 45 tiêu chí đạt mức 2 (mức hoàn thiện) và 8 tiêu chí đạt mức 1 (mức đạt yêu cầu) trong tổng số 53 tiêu chí đánh giá toàn diện các hoạt động của trường. Với đánh giá trên, trường đạt yêu cầu đảm bảo chất lượng cấp độ 2 (cấp độ tốt), đồng thời là một trong số ít các trường có kết quả cao trong KĐCL các trường đại học trên cả nước. Cuối năm 2008, trường đã xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng bên trong, với các giải pháp cho giai đoạn 2009-2010.

Kết quả triển khai lấy ý kiến người học về các hoạt động giảng dạy của giảng viên 3 năm (từ 2008 đến 2010) nhìn chung đạt khá tốt. Điểm bình quân toàn trường của năm 2008 là 3.56/5.00, của năm 2009 là 3.76/5.00 và của năm 2010 là 4.18/5.00. Không có khoa, ban nào có điểm bình quân dưới trung bình. Khảo sát việc làm sau 1 năm tốt nghiệp của sinh viên đại học chính quy đều đặn hàng năm từ 2006 đến nay, kết quả có trên 97% sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp có việc làm. Trường cũng khảo sát lấy ý kiến cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo, kiến thức và kỹ năng được trang bị cho sinh viên, làm cơ sở cho việc đổi mới các chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong các năm từ 2008 đến nay.

Từ tháng 5/2010, trường đã tổ chức Tự đánh giá thí điểm chất lượng chương trình đào tạo chuyên ngành Ngân hàng theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của AUN (Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á).

3.4. Về tổ chức và quản lý trường

Việc tổ chức quản lý và điều hành các mặt hoạt động của trường được thực hiện theo tinh thần “dân chủ - công khai - công bằng”. Quan hệ giữa các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, chính quyền, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội Sinh viên trong trường đã thể hiện sự phân công và hợp tác; phát huy được động lực phát triển. Trên tinh thần đó trường đã phân cấp nhằm tăng cường tính chủ động cho các đơn vị trong hoạt động, từ đó thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường. Trường luôn chủ động đáp ứng sự thay đổi đang diễn ra để bổ sung, sửa đổi quy trình phân bổ nguồn lực, cấu trúc tổ chức quản lý, các chương trình giảng dạy một cách toàn diện nhất.

Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh là trường đại học đầu tiên ở khu vực phía Nam được trao quyền tự chủ về tài chính. Công tác tổ chức bộ máy được tổ chức thực hiện tốt, đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động của bộ máy. Sự hợp tác và hoạt động tích cực là một đặc trưng nổi bật của trường. Trường cũng là một trong 14 trường đại học trọng điểm Việt Nam, được đánh giá cao về chất lượng đội ngũ viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy. Giảng viên của trường được đào tạo từ nhiều nguồn trong và ngoài nước, trong đó có một số lượng lớn được đào tạo từ các nước tiên tiến trên thế giới. Bên cạnh đó trường luôn chú trọng đến công tác giáo dục ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội cho đội ngũ viên chức và sinh viên của trường.

3.5. Về cơ sở vật chất - kỹ thuật

Hiện nay trường đang quản lý và sử dụng 09 cơ sở, gồm 06 cơ sở học tập, sinh hoạt và làm việc, còn lại 03 cơ sở là khu nội trú ký túc xá sinh viên, trong đó có 01 khu nội trú cho du học sinh nước ngoài. Bình quân diện tích học tập cho mỗi sinh viên là 0.8 m²/sinh viên. Các phòng học của trường có quy mô 50, 100, 150 và trên 200 sinh viên

nên phù hợp với các môn học, các chuyên ngành đào tạo. Tại các cơ sở của trường có 92 phòng học, hội trường, 13 phòng máy tính, phòng mô phỏng có tổng diện tích khoảng 14.712 m². Ngoài ra, trường còn thuê giảng đường bên ngoài để phục vụ đào tạo với 66 phòng học, diện tích 8.630 m². Các ký túc xá với 224 phòng ở có tổng diện tích 6.228m², giải quyết được chỗ ở cho 1.704 sinh viên, đạt tỷ lệ 14,2% số người học có nhu cầu được ở nội trú.

Thư viện trường là loại hình thư viện chuyên ngành, trong những năm gần đây trường rất chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho thư viện. Vì vậy, hiện nay cơ sở vật chất trang thiết bị của hoạt động thông tin thư viện được cải thiện đáng kể.

Đặc điểm đào tạo các chuyên ngành kinh tế không yêu cầu nhiều trang thiết bị phương tiện học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học như các ngành kỹ thuật khác, do đó trường tập trung trang bị chủ yếu trang thiết bị gồm các phương tiện nghe nhìn, phòng thực hành ngữ âm, thực hành vi tính.

3.6. Về nguồn lực tài chính và hoạt động tài chính

Nguồn lực tài chính của trường hiện nay như sau:

- Ngân sách nhà nước: 4%;
- Học phí và lệ phí: 73%;
- Thu từ hoạt động dịch vụ và thu khác: 23%.

Căn cứ vào nguồn thu trong năm, trường đã phân bổ chi:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp dùng để chi mua sắm sửa chữa, xây dựng cải tạo cơ sở vật chất; chi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học như cấp kinh phí cho các đề tài cấp Bộ, hội thảo khoa học...; chi đào tạo lại viên chức; chi đào tạo lưu học sinh;

- Kinh phí từ học phí và lệ phí dùng để chi lương và các khoản có tính chất như lương; chi vượt giờ giảng, vượt quản lý; học bổng; điện nước, văn phòng phẩm, sách báo...; chi cho công tác tuyển sinh; hoạt động ký túc xá; nghiệp vụ chuyên môn; trả thu nhập tăng thêm; và trích lập các quỹ.

Đánh giá chung, các khoản chi và định mức chi của trường đều công khai trong quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, sửa đổi trên tinh thần tiết kiệm và đảm bảo chi để thực hiện tốt cho các nhiệm vụ đã đề ra trong năm. Trường có trích lập các loại quỹ như quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng và quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

4. Phân tích SWOT

4.1. Điểm mạnh

- Lịch sử truyền thống 35 năm xây dựng và phát triển của trường đã tạo dựng được uy tín và vị thế trong xã hội;

- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm gắn bó với trường. Đội ngũ giảng viên có học vị cao, tâm huyết với nghề dạy học, nhiều người có kinh nghiệm trong thực tiễn, có uy tín khoa học, nhiều giảng viên là một trong những người đầu ngành ở Việt Nam. Đội ngũ cán bộ trẻ tích cực, năng động, ham học hỏi và thường xuyên được nâng cao trình độ;

- Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh là trường công lập có giá trị văn bằng cao. Văn bằng, chứng chỉ của trường được xã hội kiểm nghiệm và thừa nhận. Thương hiệu Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh đã được khẳng định trong xã hội;

- Đã xây dựng và thực hiện có hiệu quả những biện pháp về đổi mới đào tạo và quản lý đào tạo. Hệ thống chương trình đào tạo cho tất cả các ngành, các hệ, các bậc được thực hiện đồng bộ;

- Môi liên hệ của trường với các tổ chức, doanh nghiệp được thiết lập, đã đem lại chất lượng và hiệu quả, đồng thời giúp cho trường nhanh chóng nắm bắt được những yêu cầu của thực tế nhằm hoàn chỉnh chương trình đào tạo;
- Hoạt động khoa học của trường phát triển mạnh trong thời gian qua. Hợp tác quốc tế đa dạng và phong phú đã đáp ứng cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ;
- Đội ngũ của trường có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ khá cao (gần 50%).

4.2. Điểm yếu

- Cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện giảng dạy, học tập của trường chưa đáp ứng và chưa theo kịp với sự phát triển của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Thiếu phòng làm việc cho giảng viên, chưa có nhiều phòng học đa phương tiện và chuyên dùng. Số m²/sinh viên còn thấp so với quy định chung;
- Chương trình đào tạo chưa có nhiều mô hình mô phỏng để gắn lý luận với thực tiễn; số lượng các môn học để người học tự chọn còn ít;
- Cơ cấu đào tạo theo chuyên ngành còn bất cập, có sự trùng lặp trong đào tạo một số chuyên ngành, một số chuyên ngành tỷ lệ sinh viên trên giảng viên còn cao;
- NCKH và tư vấn phát triển chưa tương xứng với vị thế và tiềm năng của trường. Còn quá ít việc trao đổi đội ngũ khoa học với các nước tiên tiến. Đóng góp từ NCKH và tư vấn vào nguồn thu của trường chưa cao;
- Hệ thống quản lý hành chính mặc dù có cải tiến nhưng vẫn còn phải tiếp tục để đáp ứng tốt yêu cầu của sự phát triển trường trong những năm tới;
- Công tác phân tích, dự báo về nhu cầu xã hội và địa phương chưa cao.

4.3. Cơ hội

- Trường được sự ủng hộ của lãnh đạo Bộ, thành phố và các địa phương, được xã hội tín nhiệm trong hoạt động đào tạo và NCKH;
- Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế sau khi đất nước hội nhập nền kinh tế thế giới, những chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm thúc đẩy sự phát triển giáo dục đại học... tạo ra nhiều cơ hội tốt cho trường phát triển;
- Trường đóng trên địa bàn dân cư lớn và kinh tế năng động bậc nhất đất nước, do đó nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học chuyên ngành kinh tế - quản trị kinh doanh còn rất lớn;
- Chính phủ và Bộ có sự phân cấp quản lý theo hướng nâng cao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học trọng điểm quốc gia;
- Quá trình thực hiện tốt công tác hợp tác quốc tế từ trước đến nay, đã tạo được uy tín của trường đối với các cơ quan, tổ chức, viện, trường trên thế giới. Kết quả này có ý nghĩa rất lớn cho việc mở rộng quan hệ quốc tế sau này;
- Cơ sở vật chất của trường chắc chắn sẽ được tăng cường và trang bị hiện đại trong thời gian sắp tới;
- Trường có nhiều cựu sinh viên hiện đang giữ chức vụ cao trong các cơ quan quản lý nhà nước, nhiều cựu sinh viên là những doanh nhân thành đạt; luôn sẵn sàng hỗ trợ trường phát triển.

4.4. Thách thức

- Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh đang đứng trước một thách thức lớn trong đào tạo kiến thức chuyên môn và quản lý kinh tế - quản trị kinh doanh đạt trình độ khu vực và thế giới, trong bối cảnh hội nhập toàn cầu;

- Mặc dù có những bước phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây nhưng trường vẫn phần nào chưa đáp ứng kịp nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, đặc biệt là các tỉnh, thành phía Nam;
- Các trường đại học, các viện, các trung tâm nghiên cứu trong nước và quốc tế được thành lập thời gian qua và sẽ được thành lập trong thời gian tới là thách thức cạnh tranh lớn của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
- Xu hướng toàn cầu hóa đòi hỏi trường phải đa dạng hóa loại hình và nâng cao chất lượng đào tạo để có thể hòa nhập trong cộng đồng thế giới; sản phẩm đào tạo của trường phải được công nhận ở nước khác. Đây là thách thức rất lớn của trường;
- Trường phải tự chủ toàn diện, do đó trường sẽ gặp khó khăn về đảm bảo tài chính trong quá trình phát triển trường;
- Với nền kinh tế thị trường đang phát triển, việc viên chức chuyển sang làm việc cho các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp với mức thu nhập cao hơn cũng là một vấn đề đáng quan ngại của trường trong hiện tại và tương lai.

Phần III

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu chiến lược

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh trở thành trường đại học có uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn khoa học kinh tế - quản trị kinh doanh ở Việt Nam và khu vực; xây dựng đội ngũ viên chức có chuyên môn cao, có năng lực NCKH; đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại phục vụ mọi hoạt động của trường; các chương trình đào tạo bắt kịp trình độ giáo dục đại học trong khu vực và tiếp cận xu thế phát triển giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao và thích ứng hội nhập toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo cho người học được học tập kiến thức chuyên môn hiện đại; được ứng dụng khoa học - công nghệ cao; được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;
- Phát triển chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo chương trình của các trường đại học tiên tiến trên thế giới và đào tạo gắn với nhu cầu xã hội;
- Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý; ổn định quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, cao học và nghiên cứu sinh. Tích cực sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông và các công cụ dạy học hiện đại;
- Đẩy mạnh NCKH, bao gồm nghiên cứu học thuật, nghiên cứu phục vụ đào tạo và phục vụ xã hội. Tăng cường nguồn thu từ các hoạt động khoa học;
- Tăng cường hợp tác quốc tế để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện KĐCL chương trình đào tạo, KĐCL trường và các giải pháp cụ thể để đảm bảo chất lượng đào tạo của trường;
- Xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến;
- Định vị thương hiệu trường; xây dựng hệ thống nhận diện thống nhất và chiến lược truyền thông, tiếp thị về trường;
- Thường xuyên quan tâm và nâng cao hiệu quả công tác chính trị tư tưởng trong đội ngũ viên chức và sinh viên;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính của trường.

2. Chiến lược phát triển đào tạo

2.1. Mục tiêu phát triển

Chất lượng đào tạo cao, thể hiện rõ giá trị của trường, là mục tiêu chung trong chiến lược phát triển đào tạo của trường xuyên suốt giai đoạn 2011-2015. Tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh; đồng thời, lập dự án triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Việt.

2.2. Chỉ tiêu phát triển

- Trường duy trì các bậc đào tạo đại học, cao học, nghiên cứu sinh, trong đó có loại hình đào tạo chính quy và vừa làm vừa học. Trong giai đoạn 2011-2015, tồn tại hai loại hình đào tạo đại học chính quy và vừa làm vừa học; tiến tới giai đoạn 2015-2020 chỉ một chuẩn, một loại văn bằng tốt nghiệp cho bậc đào tạo đại học;

- Chủ trương của trường là giữ vững quy mô đào tạo đại học chính quy ở mức tuyển sinh đầu vào hàng năm khoảng 4.000 sinh viên. Chú trọng tăng cường đào tạo trình độ sau đại học với chất lượng cao, đồng thời trường cũng đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học, văn bằng 2 và hoàn chỉnh đại học với chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo thích hợp;

- Triển khai và hoàn thiện chương trình đào tạo các ngành mới như: Luật, tiếng Anh thương mại; từng bước đa dạng hóa ngành đào tạo trong trường. Tiếp tục triển khai, nhân rộng mô hình các chương trình đào tạo chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh từ cử nhân, thạc sĩ đến tiến sĩ; xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Việt cho bậc đại học chính quy.

2.3. Giải pháp thực hiện

- Định kỳ rà soát, đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy trên cơ sở ý kiến đóng góp của giảng viên, của sinh viên và của đại diện cựu sinh viên, đặc biệt là các nhà tuyển dụng;

- Thường xuyên đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập. Đầu tư và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH, trong đó chú trọng việc sử dụng các trang thiết bị phục vụ, hệ thống thông tin-thư viện, phòng thực hành các mô hình kinh tế ảo, các trung tâm máy tính của trường;

- Tiếp tục nghiên cứu, đưa vào áp dụng các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài. Thực hiện nhân rộng đào tạo theo học chế tín chỉ cho các hệ bậc, đổi mới cách quản lý trong điều hành dạy và học;

- Tăng cường năng lực của đội ngũ viên chức thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thích hợp, đảm bảo đội ngũ viên chức tiếp cận nhanh, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới công tác phát triển đào tạo;

- Xây dựng chương trình đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học thống nhất với chương trình hệ đại học chính quy, thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ đối với đại học hình thức vừa làm vừa học (trước mắt đối với các khóa tại TP. Hồ Chí Minh) kể từ năm 2012 khi đã hội đủ điều kiện, tiến tới giai đoạn 2015-2020 thống nhất một chuẩn đào tạo, một loại văn bằng tốt nghiệp đối với bậc đại học;

- Xây dựng chương trình đào tạo sau đại học theo hướng hội nhập và nâng cao chất lượng, tiến tới có đủ tài liệu tham khảo cho bậc đào tạo sau đại học. Mục tiêu cuối năm 2011 có tất cả sách tham khảo của các môn học cao học. Hướng tới chương trình đào tạo chuyên ngành sâu cho bậc cao học;

- Nâng cao chất lượng trong tuyển chọn nghiên cứu sinh, phân cấp mạnh cho các khoa chuyên ngành trong đào tạo tiến sĩ;
- Tiếp tục triển khai các chương trình đã liên kết và tích cực tìm kiếm các đối tác có thể mạnh về đào tạo đại học và sau đại học trên thế giới và khu vực để liên kết.

3. Chiến lược phát triển hoạt động khoa học

3.1. Mục tiêu phát triển

Đưa hoạt động NCKH thực sự trở thành một trong hai hoạt động chính của từng giảng viên, sinh viên và của trường nói chung. Hình thành định hướng nghiên cứu đậm nét Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, trong đó đặc biệt chú trọng vào đối tượng nghiên cứu là cộng đồng doanh nghiệp và các vùng kinh tế lân cận; đồng thời, thúc đẩy nghiên cứu hàn lâm để gia tăng lượng bài công bố trên tạp chí quốc tế.

3.2. Chỉ tiêu phát triển

- Mỗi năm tham gia đấu thầu, chủ trì 7-10 đề tài cấp Bộ, Tỉnh và Thành phố;
- Triển khai mỗi năm 40 đề tài cấp Trường; biên soạn 30 giáo trình, tài liệu học tập và 20 tài liệu tham khảo, chuyên khảo;
- Công bố mỗi năm 120 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và 10 bài trên các tạp chí khoa học quốc tế;
- Mỗi năm có 120 đề tài NCKH sinh viên tham dự các kỳ thi của Bộ, Euréka Thành Đoàn và “Giải Nhà Kinh tế trẻ” của trường;
- Tổ chức 3-5 hội thảo với quy mô lớn, có sự tham dự của các chuyên gia trong và ngoài nước về những vấn đề kinh tế cấp thiết và 30 hội thảo tại các khoa;
- Có 1-3 dự án hợp tác quốc tế về NCKH;
- Giá trị các hợp đồng nghiên cứu, tư vấn cho các doanh nghiệp và địa phương do trường và các trung tâm thuộc trường thực hiện đạt 10 tỷ đồng/ năm.

3.3. Giải pháp thực hiện

- Triển khai mạnh đề tài cấp Trường và công tác biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo. Tích cực tham gia đấu thầu, chủ trì đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố và đề tài cấp Nhà nước;
- Khuyến khích công bố bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế;
- Tập trung sức tổ chức các hội thảo cấp quốc gia và quốc tế thông qua việc nhanh nhạy chọn chủ đề và đảm bảo tính chuyên nghiệp;
- Tăng cường kinh phí NCKH; phân đấu tỷ trọng kinh phí từ trường cấp trực tiếp cho hoạt động khoa học từ 3-5% trên tổng kinh phí của trường;
- Tiếp tục mở các lớp về phương pháp NCKH, phương pháp viết bài báo khoa học cho giảng viên và sinh viên; đẩy mạnh sinh hoạt khoa học tại các khoa, bộ môn.

4. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

4.1. Mục tiêu phát triển

Phát triển và mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế, phấn đấu để trường trở thành trung tâm đào tạo quốc tế có uy tín về khoa học kinh tế-quản trị kinh doanh của cả nước và trong khu vực.

4.2. Chỉ tiêu phát triển

- Ngoài việc duy trì các dự án đã có, khai thác và mở rộng quan hệ với các đối tác mới để thực hiện các chương trình tiên tiến, các chương trình liên kết đào tạo;

- Mở rộng hoạt động trao đổi sinh viên với các trường nhằm gia tăng số lượng sinh viên nước ngoài học tập, nghiên cứu dài hạn (từ 1 học kỳ trở lên) tại trường lên 100 sinh viên/năm vào thời điểm 2015; chuẩn hóa chương trình đào tạo để ngày càng nhiều các trường có uy tín công nhận chương trình đào tạo tại Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
- Phối hợp với các nhà khoa học đang giảng dạy tại các dự án quốc tế tại trường tổ chức 3-5 hội thảo, báo cáo chuyên đề/năm;
- Tìm kiếm các dự án, đề tài NCKH kinh tế về Việt Nam của các trường đối tác nước ngoài nhằm có được ít nhất 1 dự án phối hợp nghiên cứu quốc tế;
- Phát triển các chuyến đi học tập kinh nghiệm ở các trường đối tác nước ngoài cho đội ngũ viên chức, trung bình 100 lượt viên chức được giao lưu ở nước ngoài/năm.

4.3. Giải pháp thực hiện

- Quản lý chặt chẽ các chương trình dự án đang thực hiện, đảm bảo đúng pháp luật, đồng thời kiểm soát chất lượng của các chương trình đào tạo, chỉ liên kết đào tạo với các đối tác quốc tế có uy tín và đã được kiểm định;
- Tập trung phát triển Viện Đào tạo quốc tế thành một trung tâm đào tạo có chất lượng, được kiểm định quốc tế;
- Phát triển các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh cho các bậc cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ; tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án liên kết đào tạo;
- Dành phần kinh phí thích đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng viên chức ngắn hạn và dài hạn tại các nước tiên tiến. Khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình học bổng của chính phủ nước ngoài và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Chiến lược đảm bảo và nâng cao chất lượng

5.1. Mục tiêu phát triển

- Xây dựng và củng cố hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của trường thông qua các hoạt động: tự đánh giá, KĐCL trường và KĐCL chương trình đào tạo, triển khai thực hiện các kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng;
- Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai giám sát việc thực hiện các kế hoạch đảm bảo chất lượng ngắn hạn và trung hạn thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ đảm bảo chất lượng cấp trường và khoa;
- Hoàn thiện và tăng cường sử dụng các công cụ hỗ trợ cho việc đánh giá các hoạt động đảm bảo chất lượng, thông qua các hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học, khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.

5.2. Chỉ tiêu phát triển

- Thực hiện KĐCL giáo dục trường giai đoạn 2012-2017, chú trọng một số tiêu chí còn ở mức trung bình trong lần KĐCL trước;
- Nghiên cứu và triển khai thực hiện KĐCL chương trình đào tạo để có cơ sở đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường, từ đó, có các giải pháp khắc phục và nâng cao chất lượng. Đăng ký kiểm định chính thức chất lượng chương trình đào tạo ít nhất 1 chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng AUNQA; đồng thời, đăng ký KĐCL chính thức ít nhất 1 chương trình đào tạo khi có bộ tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo giai đoạn 2011-2015; triển khai thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng bên trong hàng năm.

5.3. Giải pháp thực hiện

- Triển khai thực hiện các kế hoạch hành động trong Báo cáo tự đánh giá và các

khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài trong KĐCL giáo dục trường nhằm khắc phục các hạn chế và phát huy các điểm mạnh của trường;

- Triển khai thực hiện thí điểm làm cơ sở cho việc đăng ký kiểm định chính thức chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng AUNQA và KĐCL chương trình đào tạo theo hệ thống kiểm định quốc gia;

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo giai đoạn 2011-2015 và các giải pháp đảm bảo chất lượng bên trong hàng năm;

- Hoàn thiện và tăng cường việc sử dụng các công cụ thu thập thông tin phản hồi phục vụ cho hệ thống đảm bảo chất lượng như: lấy ý kiến phản hồi từ người học, khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo, kiến thức và kỹ năng cần trang bị cho sinh viên, việc làm và học lên các bậc cao hơn của sinh viên sau tốt nghiệp;

- Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai giám sát việc thực hiện các kế hoạch đảm bảo chất lượng ngắn hạn và trung hạn thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ đảm bảo chất lượng cấp trường và khoa;

- Đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy; tăng cường năng lực đội ngũ giảng dạy, đẩy mạnh phát triển cơ sở vật chất và nguồn thông tin, tài nguyên thư viện nhằm đảm bảo việc đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Đồng thời, xây dựng chuẩn đầu ra và triển khai đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra cho đại học hình thức vừa làm vừa học và bậc cao học.

6. Chiến lược phát triển bộ máy tổ chức

6.1. Mục tiêu phát triển

Phát triển các phương thức và mô hình quản lý trường hiệu quả, thích ứng với thị trường lao động và thị trường đào tạo nhân lực trình độ cao.

6.2. Chỉ tiêu phát triển

- Phát triển mô hình tổ chức của trường thành mô hình đại học có các viện đào tạo, nghiên cứu; và các công ty trực thuộc;

- Tiến đến tin học hóa hoàn toàn công tác quản lý của trường vào năm 2015.

6.3. Giải pháp thực hiện

- Thực hiện phân cấp quản lý trong trường và giữa các đơn vị thuộc trường. Xác định rõ chức năng quản lý đối với từng đơn vị, các cấp quản lý trong trường theo nguyên tắc phân cấp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm; có chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá và kiểm tra định kỳ;

- Thực hiện chuẩn ISO trong toàn bộ hoạt động quản lý của trường vào năm 2012;

- Xây dựng bộ máy quản lý tự chủ, hiện đại và theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả. Phát huy được quyền chủ động cao, sáng tạo của các đơn vị trực thuộc; nâng cao năng lực điều phối, phối hợp của bộ máy nhằm phát huy cao nhất hiệu quả đầu tư, phát triển nguồn lực;

- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý; ứng dụng công nghệ số và truyền thông hiện đại trong hệ thống quản lý;

- Đẩy mạnh kết nối giữa trường với doanh nghiệp, cơ quan quản lý cấp trên, các địa phương và hội cựu sinh viên (Alumni).

7. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

7.1. Mục tiêu phát triển

- Xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; có trình độ chuyên môn cao, phương pháp giảng dạy tốt; có khả năng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và NCKH phù hợp với xu hướng của đại học tiên tiến trên thế giới;

- Đảm bảo tỷ lệ giảng viên/sinh viên theo quy chuẩn. Đào tạo đội ngũ kế cận có đủ đức đủ tài, đảm bảo sự kế thừa và phát triển vững chắc để thực hiện tốt mục tiêu chiến lược phát triển của trường;

- Phát triển đội ngũ viên chức cho các lĩnh vực hoạt động, phấn đấu đạt trình độ khu vực và quốc tế.

7.2. Chỉ tiêu phát triển

- Đảm bảo tỷ lệ hợp lý về số lượng đội ngũ giữa khối giảng dạy và khối quản lý, phục vụ là 65% và 35%;

- Về cơ cấu trình độ đội ngũ giảng dạy: Đến cuối năm 2015, 70% giảng viên có trình độ thạc sĩ và trên 50% giảng viên có trình độ tiến sĩ; 100% giảng viên các chuyên ngành đào tạo sử dụng tốt một ngoại ngữ trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ưu tiên tiếng Anh;

- Về đội ngũ quản lý: 100% trưởng, phó đơn vị thuộc trường (tuổi từ 50 trở xuống) sử dụng tốt tiếng Anh vào thời điểm 2013;

- Tăng cường hợp đồng thỉnh giảng với đối tượng đạt tiêu chuẩn theo quy định.

7.3. Giải pháp thực hiện

- Bố trí, sắp xếp, bổ sung, cân đối nguồn nhân lực cho việc sử dụng đội ngũ viên chức một cách tối ưu nhất; bố trí công việc đúng với khả năng của từng người, tạo điều kiện để viên chức phát huy cao nhất sở trường của mình;

- Thực hiện chính sách thu hút nhân tài. Ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sĩ, thạc sĩ từ nhiều nguồn để bổ sung cho đội ngũ giảng dạy. Hoàn thiện quy trình tuyển dụng đội ngũ viên chức, tuyển dụng gắn liền với bồi dưỡng đội ngũ;

- Chuẩn hóa đội ngũ thỉnh giảng của trường thông qua việc hoàn chỉnh dữ liệu quản lý, trao đổi nghiệp vụ và rà soát định kỳ;

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ của trường qua các dự án hợp tác quốc tế, bằng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước, kinh phí của trường và các nguồn kinh phí khác; tích cực phát huy các nguồn tài trợ để tìm học bổng cử cán bộ giảng dạy trẻ đi học tập và nghiên cứu;

- Nâng cao năng lực điều hành quản lý, nâng cấp trình độ nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý (tin học, ngoại ngữ, quản lý...). Lập kế hoạch và tổ chức định kỳ cho viên chức quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ; làm việc có hiệu quả và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở;

- Quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý các cấp, bảo đảm tính kế thừa, dân chủ và công khai;

- Xây dựng kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên.

8. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật

8.1. Mục tiêu phát triển

- Phát triển cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, phù hợp và đồng bộ với quy mô, đặc điểm đào tạo, NCKH, đảm bảo hiệu quả cao trong sử dụng, không lạc hậu về công nghệ;

- Quy hoạch, xây dựng thư viện trường theo hướng tập trung, hiện đại;

- Đẩy mạnh việc mở rộng mặt bằng trong thời gian sớm nhất và khẩn trương thực hiện việc xây dựng cơ bản nhằm đảm bảo cơ sở, môi trường, điều kiện giảng dạy, NCKH, làm việc, học tập và nội trú khang trang, hiện đại; nhanh chóng kết thúc tình trạng phân tán về cơ sở.

8.2. Chỉ tiêu phát triển

- Duy trì ổn định hoạt động tại các cơ sở cũ; tập trung xây dựng và phát triển cơ sở mới tại quận 8 (đã khởi công);
- Đẩy mạnh công tác hợp nhất các cơ sở nhỏ lẻ, phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng tập trung;
- Đăng ký di dời ra quận 9 theo tiến độ và quy định chung.

8.3. Giải pháp thực hiện

- Căn cứ vào quy mô đào tạo và yêu cầu đào tạo của các chuyên ngành vào mỗi giai đoạn, lập kế hoạch và xây dựng, trang bị đầy đủ các phòng, thiết bị, phần mềm mô phỏng hoạt động của các chuyên ngành để đảm bảo nhu cầu thực hành của sinh viên, học viên, đáp ứng nhu cầu NCKH của giảng viên, sinh viên;
- Căn cứ vào diện tích đất, diện tích xây dựng có được vào từng thời điểm cùng với quy mô đào tạo, quy mô về nhân sự, mô hình quản lý và nguồn lực tài chính của trường để trang bị các hệ thống hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc, các loại phương tiện, thiết bị phục vụ công tác quản lý điều hành theo xu hướng hiệu quả, hiện đại, tiện nghi;
- Tăng cường năng lực, nguồn lực cho các đơn vị chức năng có liên quan đến cơ sở vật chất - thiết bị dạy học để thực hiện các dự án hiện có; đồng thời, tìm kiếm các dự án mới phục vụ cho việc phát triển trường;
- Tranh thủ Quỹ Dự án Giáo dục đại học (TRIG) giai đoạn tiếp theo để có được nguồn tài trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại phục vụ cho giảng dạy, NCKH và phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của trường.

9. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

9.1. Mục tiêu phát triển

Với chỉ tiêu tuyển sinh giảm so với năm 2010 và dự kiến ổn định trong năm những kế tiếp, nên học phí các hệ, bậc đào tạo của trường dù có tăng trong giai đoạn 2011-2015 (theo lộ trình của Nghị định 49/2010/NĐCP) nhưng vẫn chỉ đủ đảm bảo chi trả lương (tốc độ tăng 30% theo từng năm) và các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn; không đủ để chi trả thu nhập tăng thêm, cũng như trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để sửa chữa, nâng cấp và mở rộng cơ sở vật chất. Vì vậy, mục tiêu phát triển nguồn tài chính của trường giai đoạn 2011-2015 là: (1) Đảm bảo kinh phí cần thiết cho việc thực hiện chiến lược phát triển của trường; và (2) Đảm bảo ổn định thu nhập cho viên chức trong trường.

9.2. Chỉ tiêu phát triển

- Khai thác tốt các nguồn thu với mức tăng tối thiểu từ 10-15% hằng năm;
- Ổn định thu nhập viên chức; xây dựng cơ sở vật chất hiện đại.

9.3. Giải pháp thực hiện

- Đa dạng hóa các loại hình, trình độ đào tạo đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội;
- Phát triển các loại hình dịch vụ khoa học, tư vấn để khai thác các nguồn thu từ hoạt động NCKH và các dịch vụ hỗ trợ cho đào tạo;
- Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế để mời gọi sự hợp tác, giúp đỡ, viện trợ của các tổ chức, các trường đại học nước ngoài;
- Huy động tất cả các nguồn vốn: vốn trái phiếu chính phủ, nguồn vốn vay của quỹ phát triển đô thị thành phố, hỗ trợ lãi suất từ quỹ kích cầu của thành phố... để xây dựng khu ký túc xá - giảng đường tại quận 8, TP. Hồ Chí Minh;
- Sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp để sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất;

- Đảm bảo giải ngân kịp thời, đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao dự án “Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong đào tạo và NCKH tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh” để đổi mới công nghệ thông tin phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy học tập; làm tiền đề cho việc kéo dài đầu tư ở HEP2A;
- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược

- Tuyên truyền và phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức đối với toàn thể viên chức, sinh viên của trường trong việc thực hiện kế hoạch chiến lược;
- Tổ chức bộ máy và phân công thực hiện cho các cá nhân, bộ phận, đơn vị chức năng (trách nhiệm, quyền hạn, nguồn lực..);
- Xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch chiến lược chung của toàn trường và của từng đơn vị theo từng năm;
- Xây dựng ma trận hành động chiến lược. Mỗi hoạt động nêu rõ: mục tiêu cần đạt, thời gian thực hiện, các nguồn lực bảo đảm; cá nhân hoặc tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp; các chỉ số đầu ra (kết quả, hiệu quả, tác động v.v...); các chỉ số đo và xác nhận các chỉ số;
- Các biện pháp, cơ chế tổ chức và chỉ đạo thực hiện ở các cấp;
- Các biện pháp ứng phó với sự thay đổi, rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

2. Tổ chức giám sát quá trình thực hiện

- Đo lường, đánh giá kết quả sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả đào tạo trong quá trình thực hiện là một vấn đề khó khăn và hết sức quan trọng để đảm bảo kế hoạch thực hiện đúng mục tiêu, đồng thời điều chỉnh được những sai lệch và hạn chế được rủi ro;
- Thực hiện nghiêm túc nội dung và phương pháp đánh giá, thực hiện đánh giá theo từng chỉ số, theo từng mục tiêu và đánh giá tổng thể trường. Tổng hợp lại mức đạt được về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và đưa ra những đánh giá chung về hiện trạng đảm bảo chất lượng đào tạo của trường, khuyến nghị ưu tiên đầu tư trọng điểm để nâng cao chất lượng và hiệu quả đạt được.

Phần V

KIẾN NGHỊ

- Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có phương án kéo dài khung học phí nhằm tạo thuận lợi cho các trường đại học công lập, đặc biệt là 14 trường đại học trọng điểm quốc gia; thực hiện đúng nguyên tắc chia sẻ chi phí giáo dục đại học giữa Nhà nước, người học và xã hội. Trong khung học phí này, Bộ phân cấp cho các trường quyền được chọn mức học phí cho mình, để dần tiến đến tự chủ hoàn toàn về tài chính. Mục tiêu của phương án kéo dài khung học phí này là không cào bằng giữa các trường đại học, tạo cơ hội cho các trường khẳng định đẳng cấp trước xã hội; đồng thời, buộc người học phải nỗ lực học tập cho tương xứng với chi phí bỏ ra;
- Bộ nên công khai sớm kết quả kiểm định chất lượng của các trường đã được

đánh giá ngoài, sau khi đã được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài;

- Bộ nên phân cấp hơn nữa cho các trường trong việc tổ chức mua sắm, đấu thầu và triển khai các dự án đầu tư về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học nhằm tăng cường tính chủ động và tính tự chịu trách nhiệm của các trường được phân cấp.



Trên đây là văn bản **Kế hoạch chiến lược trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015**. Bản kế hoạch chiến lược này được xây dựng xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn nhằm đáp ứng vai trò quan trọng của trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho cả nước.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế mở, đặc biệt trong xu thế hội nhập toàn cầu, Đảng ủy - Ban Giám hiệu trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tin tưởng với sự đồng lòng, nhất trí cao của tất cả các thành viên trong trường, sẽ cùng nhau nỗ lực phấn đấu, vượt qua những khó khăn để hoàn thành tốt các mục tiêu mà kế hoạch chiến lược trường giai đoạn 2011-2015 đã đề ra.

Nội dung của từng mảng phát triển trong kế hoạch sẽ được cập nhật, sửa đổi cho phù hợp với tình hình cụ thể. Hàng năm, trường sẽ tổ chức sơ kết, đánh giá để kịp thời điều chỉnh nhằm xây dựng chương trình hành động năm tiếp theo cho phù hợp với chiến lược phát triển./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Website trường;
- Lưu: VT, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Đông Phong